

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11 /2019/NQ-HĐND

Cần Thơ, ngày 06 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước
đối với cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Quyết định số 323/QĐ-BTC ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc đính chính Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 03 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

Xét Tờ trình số 201/TTr-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố đề nghị ban hành Quy định về mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Cần Thơ; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Cán bộ, công chức, viên chức của thành phố Cần Thơ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước, gồm:

a) Cán bộ, công chức, công chức thực hiện chế độ tập sự trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội ở thành phố, quận, huyện; công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã); công chức trong bộ máy lãnh đạo, quản lý đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở ấp, khu vực;

d) Viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập;

2. Các giảng viên, báo cáo viên từ Trung ương đến cấp xã.

3. Các cơ quan, đơn vị, cơ sở tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thuộc thành phố.

Điều 2. Quy định mức chi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng trong nước như sau:

1. Chi thù lao cho giảng viên, báo cáo viên trong nước (một buổi giảng được tính 04 tiết học, bao gồm cả thù lao soạn giáo án/bài giảng):

a) Giảng viên, báo cáo viên là Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Bí thư Thành ủy và các chức danh tương đương: Mức chi là 1.500.000 đồng/người/buổi;

b) Giảng viên, báo cáo viên là Thứ trưởng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các chức danh tương đương; Giáo sư; Chuyên gia cao cấp; Giảng viên cao cấp; Tiến sĩ khoa học: Mức chi là 1.200.000 đồng/người/buổi;

c) Giảng viên, báo cáo viên là Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và các chức danh tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và các chức danh tương đương thuộc Bộ, cơ quan ngang Bộ; Phó Giáo sư; Tiến sĩ; Giảng viên chính: Mức chi là 1.000.000 đồng/người/buổi;

d) Giảng viên, báo cáo viên là Giám đốc Sở, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Phó Giám đốc Sở và các chức danh tương đương: Mức chi là 800.000 đồng/người/buổi;

đ) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan cấp thành phố (ngoài các đối tượng thuộc Điểm a, b, c, d nêu trên): Mức chi là 600.000 đồng/người/buổi;

e) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan cấp huyện: Mức chi là 500.000 đồng/người/buổi;

g) Giảng viên, báo cáo viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại các cơ quan cấp xã: Mức chi là 400.000 đồng/người/buổi.

2. Phụ cấp tiền ăn cho giảng viên

a) Đối với giảng viên là cán bộ, công chức, viên chức công tác tại cơ quan cấp thành phố, cấp huyện tham gia giảng bài tại các quận, huyện, xã, phường, thị

trần có khoảng cách từ cơ quan đến nơi giảng bài từ 10 Km trở lên: Mức chi 100.000 đồng/ngày/người.

b) Đối với giảng viên của các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long: Mức chi 150.000 đồng/ngày/người.

c) Đối với giảng viên của thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông trở ra phía Bắc: Mức chi 200.000 đồng/ngày/người.

3. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: Mức chi 200.000 đồng/học viên.

4. Chi hỗ trợ cho các đối tượng là những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu vực được cử đi học các lớp tập trung: Mức chi 750.000 đồng/người/tháng từ nguồn kinh phí tổ chức lớp của các cơ sở đào tạo.

5. Chi hỗ trợ một phần tiền ăn; tiền xe; tiền thuê chỗ nghỉ cho cán bộ, công chức, viên chức trong những ngày đi học tập trung tại cơ sở đào tạo (trong trường hợp cơ sở đào tạo và đơn vị tổ chức đào tạo xác nhận không bố trí được chỗ nghỉ): Không quá mức chi tối đa quy định tại Nghị quyết số 04/2017/HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước, đơn vị sự công lập và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.

6. Mức chi đào tạo, bồi dưỡng viên chức: Căn cứ khả năng tài chính bố trí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng viên chức tại đơn vị và các mức chi quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 5 điều này; thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập quyết định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức phù hợp với quy định của pháp luật về cơ chế tài chính của đơn vị mình.

7. Các nội dung khác thực hiện theo quy định của Thông tư số 36/2018 /TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức hướng dẫn thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa IX, kỳ họp thứ mười bốn thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- Bộ Tài chính;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP.Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT. Công báo, Chi cục VT - LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT,HD,250.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hiểu